

Số: /KH-UBND

Liên Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Liên Minh năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Kế hoạch được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh và yêu cầu từ tình hình thực tiễn tại địa phương, cụ thể như sau:

1. Các Văn bản chỉ đạo của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

- Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về

việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia;

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

2. Các Văn bản chỉ đạo của Tỉnh

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 29/8/2025 của BCĐ cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Bình năm 2025.

- Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 09/9/2025 của BCĐ cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về Triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Ninh Bình.

- Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Kế hoạch số 38/KH-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ngày 18/8/2025 triển khai thực Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.

3. Các Quyết định, Kế hoạch của xã

- Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 08/08/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Liên Minh.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/08/2025 của UBND xã Liên Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 02/02/2026 của Đảng ủy xã Liên Minh về việc triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng xã Liên Minh năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thống nhất phương châm hành động năm 2026: “Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, làm định hướng xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai chuyển đổi số nhanh chóng, toàn diện, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch khác của xã, lấy việc bảo đảm tính liên thông, đồng bộ làm mục tiêu xuyên suốt và cao nhất, đáp ứng yêu cầu cấp bách của việc cải cách tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Tạo chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tập trung vào các khâu tác động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ; kiên quyết phòng, chống lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực

- Các lĩnh vực ưu tiên được số hóa toàn diện, vận hành dựa trên dữ liệu, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung phát triển ba trụ cột: Chính quyền số - Kinh tế số - Xã hội số, gắn với định hướng của Trung ương, của Tỉnh, của xã.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số của UBND tỉnh Ninh Bình.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; thể chế, chính sách số

- 100% nhiệm vụ của tỉnh giao được cụ thể hóa thực hiện bằng các văn bản, kế hoạch và theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên;

- 100% các cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia (10/10).

2.2. Về phát triển hạ tầng số

- Phần đầu phủ sóng 5G đạt tối thiểu trên 70% dân số;

- Phân đầu 70% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.

- Tỷ lệ đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ: Đạt 100%.

- Phân đầu 100% các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6.

2.3. Về phát triển nguồn nhân lực số

- Phân đầu tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản đạt 100%;

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành đạt tối thiểu 90%;

- Phân đầu 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về kỹ năng sử dụng các dịch vụ số;

- 100% thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của xã; cán bộ phụ trách chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn.

- Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng cơ bản về dạy – học trên nền tảng số: Đạt 100%.

- Trang Thông tin điện tử xã có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06/CP đạt 100%.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa: Đạt tối thiểu 95%.

2.4. Về an toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;

- Phân đầu 100% các cơ quan nhà nước thực hiện triển khai giải pháp phòng chống vi rút, mã độc quản lý, giám sát tập trung, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ;

- Tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước: Đạt 100%;

2.5. Về Chính quyền số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Đạt 100%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.

- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước: Đạt 100%.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp: Đạt tối thiểu 60%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt 83%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công: Đạt 95%.
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt tối thiểu 100%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Tỷ lệ chế độ báo cáo của xã, được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo: Đạt 100%.
- Đảng uỷ, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.7 Về phát triển kinh tế số

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: Đạt 90%.

2.8 Về xã hội số

- Phần đầu tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt 30%.
- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2: Đạt tối thiểu 70%.
- 100% các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn xã triển khai học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử: Đạt tối thiểu 90%, phục vụ Y tế số và chăm sóc sức khỏe toàn dân.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt tối thiểu 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng chương trình công tác, kế hoạch chi tiết với các mốc thời gian, kết quả đầu ra định lượng và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức
- Hoạt động hiệu quả Ban Chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.
- Thực hiện rà soát tổng thể, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các chương trình, kế hoạch của xã về thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ (đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW) để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với bối cảnh và mô hình tổ chức mới của xã.
- Các phòng ban, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các chương trình, kế hoạch có trách nhiệm chủ động rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh, gửi Phòng Văn hoá - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND xã.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức họp Ban chỉ đạo vướng mắc, đẩy phong trào thi đua và kịp thời tháo gỡ khó khăn
- Nâng cao hiệu quả thực thi kế hoạch chuyển đổi số của xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số xã Liên Minh năm 2026 và các văn bản chỉ đạo liên quan để tổ chức triển khai thống nhất trên địa bàn xã
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ của UBND xã nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền số, quản lý, điều hành trên môi trường điện tử.
- Thực hiện chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng số hóa, liên thông, công khai, minh bạch
- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực xã hội hóa và đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư hạ tầng, dịch vụ số.
- Khuyến khích hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác áp dụng công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Phát triển Hạ tầng số hiện đại và dữ liệu số

- Nâng cấp Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II với băng thông lớn, bảo mật cao, đảm bảo kết nối ổn định xuyên suốt.
- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại trụ sở UBND xã, bảo đảm kết nối ổn định, an toàn với các hệ thống thông tin của tỉnh.
- Đầu tư, bổ sung trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số, bao gồm: máy tính, máy quét, thiết bị ký số, thiết bị mạng, đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng Internet băng rộng, 5G trên địa bàn xã, nhất là tại các thôn, khu dân cư, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa.
- Triển khai, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung theo hướng dẫn của cấp trên; bảo đảm liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa xã với tỉnh.

- Số hóa toàn diện và xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, chú trọng công tác làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

- Đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm phục vụ hành chính công và hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT - viễn thông.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; hình thành kho dữ liệu điện tử phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng lâu dài.

- Chuẩn hóa, cập nhật, làm giàu dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của xã (dân cư, đất đai, hộ tịch, an sinh xã hội, đối tượng chính sách, sản xuất nông nghiệp...).

- Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu: thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ; quản lý chặt chẽ quyền truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

4. Nhân lực số

- Tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức và thành viên tổ công nghệ số cộng đồng của xã, các thôn, xóm.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, tập trung hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân, nông dân và các nhóm yếu thế tại cộng đồng.

- Hiện đại hóa hạ tầng giáo dục, tăng cường đào tạo kỹ năng số, tư duy lập trình và văn hóa an toàn mạng trong chương trình giáo dục phổ thông các cấp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) và người lao động trong các công ty doanh nghiệp tiếp cận các khóa huấn luyện kỹ năng vận hành công nghệ 4.0.

5. An toàn thông tin mạng

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan để tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho 100% hệ thống thông tin của xã theo quy định, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin tương ứng với từng cấp độ, bao gồm an toàn vật lý, an toàn mạng, an toàn ứng dụng và dữ liệu.

- Đảm bảo nguồn kinh phí dành riêng cho công tác an toàn thông tin đạt tối thiểu 10% tổng ngân sách triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Trang bị giải pháp phòng chống mã độc cho hệ thống máy tính của xã.

6. Chính quyền số

- Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện trên môi trường điện tử.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đưa nội dung chuyển đổi số, chính quyền số vào chương trình công tác, kế hoạch hàng năm của UBND xã.

7. Kinh tế số

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục, các và các giao dịch hành chính công.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, tập trung vào các thế mạnh của xã như nông nghiệp, dịch vụ, công nghiệp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng kinh doanh trên nền tảng số cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp.

8. Xã hội số

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số, xã hội số đến toàn thể nhân dân; Tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng dịch vụ số, nền tảng số trong đời sống hằng ngày thông qua hệ thống truyền thanh, các cuộc họp thôn, sinh hoạt của các đoàn thể; Từng bước hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ số trong cộng đồng dân cư.

- Hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng thiết yếu như: Dịch vụ công trực tuyến, VneID mức độ 2 và chữ ký số cá nhân, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ y tế số và các nền tảng dạy học trực tuyến để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục cho nhân dân.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, Đề án 06 trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình, điển hình thành công về chuyển đổi số trên địa bàn.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chi tiết tại các Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Nguồn ngân sách được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm; lồng ghép với kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác có liên quan và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã, Ban Chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Trực tiếp đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch chuyển đổi số đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

- Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các phòng ban, cơ quan, đơn vị để giải quyết các nhiệm vụ khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số được triển khai kịp tiến độ, hiệu quả, đồng bộ, thống

nhất.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi trên địa bàn xã.

- Chủ trì tham mưu điều chỉnh nội dung Kế hoạch phù hợp với thực tiễn và lộ trình triển khai của tỉnh trong năm 2026.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia và tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, hướng dẫn phổ cập, nâng cao nhận thức, kỹ năng số phục vụ phát triển chính quyền số, chuyển đổi số; nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã.

- Chủ trì hướng dẫn, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo liên quan đến chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ số; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về việc tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND xã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

3. Văn phòng HĐND - UBND xã

- Phối hợp rà soát, nâng cấp và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung được giao quản lý.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này.

4. Trung tâm phục vụ hành chính công xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- Nghiên cứu áp dụng các phương án, giải pháp để thúc đẩy hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Kế hoạch.

5. Phòng Kinh tế xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội và các phòng ban, cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách xã và tình hình thực tế, tham mưu cho UBND xã bố trí nguồn vốn chi thường xuyên và vốn đầu tư công hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản liên quan.

6. Công an xã

- Chủ trì đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu tại Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử;

- Triển khai các biện pháp truyền thông, phòng ngừa, đấu tranh với các loại hình tội phạm vi phạm pháp luật lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng

- Chú trọng thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng đáp ứng cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

7. Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 và kế hoạch thực việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã.

- Tăng cường viết các tin bài đăng tải trên Trang thông tin điện tử và đài truyền thanh của xã.

8. Các phòng ban, cơ quan, đơn vị, thôn xóm

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung của Kế hoạch, chủ động rà soát, cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, mình để tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện và hướng dẫn đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả.

- Phối hợp rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin chuyên ngành do đơn vị quản lý.

- Thực hiện thông tin tuyên truyền sâu rộng về dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số đến cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình và người dân tại cơ sở thôn, xóm.

- Quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số yêu cầu tuân thủ nguyên tắc kế thừa, tiếp tục phát huy các thành tựu, kết quả đã đạt được và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, thôn xóm, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; tuân thủ các quy định về quản lý nguồn vốn, tránh trùng lặp, lãng phí trong đầu tư; đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc; đáp ứng các yêu cầu về tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

Định kỳ hằng tháng (trước ngày 25), hằng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý), và năm (trước ngày 10/12) các cơ quan, đơn vị, thôn xóm báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Phòng Văn hoá - Xã hội để tổng hợp, báo cáo

UBND xã, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 xã theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị thủ trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị, nghiêm túc tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tiễn, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND xã (*qua Phòng Văn hoá - Xã hội*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình;
- Thường trực Đảng uỷ - HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các cơ sở thôn, xóm;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, PVHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trí Dũng